

Bản án số: **42/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 21 tháng 9 năm 2020
Về việc : Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương
Ông Đỗ Xuân Phi

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:*** Chị **Lê Thị N**, sinh năm 1993; Địa chỉ: K45/26D đường D, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.
- 2. Bị đơn:*** Anh **Phan S**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà 716 đường T, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Phan S kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (*theo giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 24 tháng 3 năm 2015*), hôn nhân trên sự tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S tính tình gia trưởng, thường xuyên đánh đập chị, từ khi cưới nhau vợ chồng sống riêng, anh S sống với gia đình tại địa chỉ phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, còn chị sống với gia đình tại phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, thỉnh

thoảng anh S đến ở lại. Từ đầu năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân với nhau, phần ai đấy biết không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị Lê Thị N xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Phan Thị Bảo A, sinh ngày 08-6-2015, cháu do chị chăm sóc nuôi dưỡng, từ khi anh S biết chị gởi đơn ly hôn thì dẫn về sống, không cho chị chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tranh tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Phan S đã được Tòa án triệu tập hợp lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu xin được ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Phan S là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Lê Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng*: Chị Lê Thị N khởi kiện vụ án hôn nhân và Gia đình về việc "Ly hôn" đối với anh Phan S; nơi cư trú: Số nhà 716 đường T, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ngày 18.02.2020 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Phan S vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét về nội dung*: Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn được, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan S. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên tòa thể hiện: Hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Phan S là hợp pháp. Theo chị N trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu

thuần, nguyên nhân là do anh S tính tình gia trưởng, thường xuyên đánh đập chị, chỉ vì thương con nên chị chịu đựng níu kéo chung sống và mong có ngày anh S thay đổi tính tình nhưng không thành. Từ khi cưới nhau đến cho đến nay, vợ chồng sống riêng, anh S với gia đình cha mẹ của anh, còn chị sống với gia đình cha mẹ chị, thỉnh thoảng anh S về ở với chị rồi đi, từ năm 2019 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân phần ai đấy sống không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh S đến để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh S đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh S bỏ mặc và cũng không muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị N, nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày là đúng. Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Phan S là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Phan Thị Bảo An, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu được nuôi con của chị N thì thấy: Việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, điều đó thể hiện nguyện vọng được nuôi con của anh S là không có. HĐXX xét thấy, cháu Phan Thị Bảo A là nữ, từ khi sinh ra cho đến nay đều do chị N nuôi dưỡng, hiện nay cháu A còn nhỏ nên cần phải có sự chăm sóc của người mẹ mới đảm bảo cuộc sống cho cháu được tốt hơn. Xét nguyện vọng được nuôi con chung của chị N là có căn cứ, phù hợp với Điều 58 Luật hôn nhân và Gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Thị N phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn với anh Phan S.
2. Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị N được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phan Thị Bảo A, sinh ngày 08-6-2015 cho đến khi

trưởng thành. Anh Phan S không có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con sau khi ly hôn.

Khi ly hôn cha, mẹ bên không trực tiếp nuôi con và bên trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0001773 ngày 18-02-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- UBND phường Xuân Hà;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Vũ

